| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HÓC MÔN**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 624/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26/5/2022
V/v ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phạm Thị Quỳnh Như

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2. Ông Huỳnh Văn Đẹp

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Thu Huyền – Thư ký Tòa án

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên toà:*** Bà Bùi Thị Thu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 637/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Số 386/93D Ấp 1, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Số 257/87A/18 Tổ 17, Ấp 2, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Dương Ngọc Đ (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Số 386/93D Ấp 1, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày*:

Bà Phạm Thị L và ông Dương Ngọc Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 16/02/2005 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng bà Phạm Thị L chung sống hạnh phúc.

Sau đó giữa vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, hay tranh cãi. Năm 2021, bà Phạm Thị L có nộp đơn xin ly hôn ở Tòa án Hóc Môn, nhưng Tòa động viên hòa giải nên rút đơn, không xin ly hôn nữa. Trước đó bà Phạm Thị L cũng đã 03 lần nộp đơn lên Tòa án nhưng sau đó rút đơn về do thương các con, không muốn các con mình có một gia đình đổ vỡ. Đến tháng 8/2021, mâu thuẫn trở nên gay gắt, nguyên nhân do bà Phạm Thị L, ông Dương Ngọc Đ bất đồng quan điểm sống, hay tranh cãi và xúc phạm nhau, vợ chồng không hòa hợp. Ông Dương Ngọc Đ không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên đi nhậu, về nhà chửi mắng vợ con. Ông Dương Ngọc Đ còn thường

xuyên đánh bài, gây ra nợ nần, bà Phạm Thị L phải nhiều lần trả nợ cho ông Dương Ngọc Đ. Bà Phạm Thị L đã cố gắng hàn gắn gia đình nhiều lần, nói chuyện và khuyên giải ông Dương Ngọc Đ nhưng không có kết quả. Bà Phạm Thị L và ông Dương Ngọc Đ sống ly thân vào từ cuối năm 2021, mặc dù còn ở chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay bà Phạm Thị L nhận thấy bà không còn tình cảm yêu thương, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và mỗi người đều có cuộc sống riêng nên bà Phạm Thị L yêu cầu Tòa án cho bà ly hôn với ông Dương Ngọc Đ.

Về con chung: Có 03 con chung tên Dương Ngọc T (sinh ngày 22/12/2003), Dương Khương D (sinh ngày 13/5/2007) và Dương Gia B (sinh ngày 17/9/2013). Tại đơn khởi kiện bà Phạm Thị L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung D và B, yêu cầu ông Dương Ngọc Đ cấp dưỡng nuôi mỗi con 2.000.000đồng/tháng. Tại phiên hòa giải, bà Phạm Thị L xác định không yêu cầu ông Dương Ngọc Đ cấp dưỡng nuôi con chung nữa.

Hiện tại trẻ D, trẻ B đang sống cùng bà Phạm Thị L, bà chăm sóc, nuôi dạy con, đưa đón con đi học hàng ngày. Nên sau khi ly hôn, bà Phạm Thị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Dương Ngọc T đã trưởng thành nên bà Phạm Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn ông Dương Ngọc Đ: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Dương Ngọc Đ nhưng ông Dương Ngọc Đ vắng mặt không lý do, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải và thời hạn gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng và đầy đủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Lệ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Toà án đã triệu tập, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn ông Dương Ngọc Đ đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Lệ và ông Dương Ngọc Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2005, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân xã D, huyện Dn, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 16/02/2005 thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Lệ và ông Dương Ngọc Đ là hôn nhân hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị L: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Dương Ngọc Đ vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai, không giao nộp tài liệu chứng cứ, không đưa ra ý kiến, yêu cầu nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bà Phạm Thị L để làm cơ sở giải quyết vụ án. Theo như lời khai của bà Phạm Thị L thì mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, hay tranh cãi và xúc phạm nhau, đời sống vợ chồng không hòa hợp. Năm 2021, bà Phạm Thị L có nộp đơn xin ly hôn ở Tòa án Hóc Môn, nhưng Tòa động viên hòa giải nên rút đơn, không xin ly hôn nữa. Trước đó bà Phạm Thị L cũng đã 03 lần nộp đơn lên Tòa án nhưng sau đó rút đơn về do thương các con, không muốn các con mình có một gia đình đổ vỡ. Tuy nhiên, sau thời gian đó mâu thuẫn giữa bà L với ông Đ vẫn không được cải thiện. Bà Phạm Thị Lệ và ông Dương Ngọc Đ sống ly thân từ cuối năm 2021, mặc dù còn ở chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải nhưng ông Dương Ngọc Đ vẫn không đến Tòa án tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải để vợ chồng trở về sống chung với nhau. Hiện nay, bà Phạm Thị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mẫu thuẫn đã trầm trọng và không thể tiếp tục sống chung với ông Dương Ngọc Đ. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân của bà Phạm Thị L và ông Dương Ngọc Đ đang ở trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận cho bà Phạm Thị L được ly hôn với ông Dương Ngọc Đ.

[6] Về con chung: Bà Phạm Thị L và ông Dương Ngọc Đ có 03 con chung tên: Dương Ngọc T (sinh ngày 22/12/2003), Dương Khương D (sinh ngày 13/5/2007) và Dương Gia B (sinh ngày 17/9/2013). Khi ly hôn bà Phạm Thị L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung D và B. Hội đồng xét xử nhận định trẻ D, trẻ B hiện đang sống chung với bà Phạm Thị L, yêu cầu của bà Phạm Thị L phù hợp với nguyện vọng của trẻ D, trẻ B cũng như phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận. Dương Ngọc T đã trưởng thành, bà Phạm Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị L không yêu cầu ông Dương Ngọc Đ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử quyết định tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông Dương Ngọc Đ cho đến khi có yêu cầu.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, bà Phạm Thị L phải chịu, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

*Vì các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phạm Thị L được ly hôn với ông Dương Ngọc Đ.

2. Về con chung: Có 03 con chung tên Dương Ngọc T (sinh ngày 22/12/2003), Dương Khương D (sinh ngày 13/5/2007) và Dương Gia B (sinh ngày 17/9/2013). Dương Ngọc T đã trưởng thành.

Giao con chung Dương Khương D và Dương Gia B cho bà Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông Dương Ngọc Đ cho đến khi có yêu cầu.

Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị L phải nộp 300.000đồng án phí sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng mà bà Phạm Thị L đã nộp theo biên lai số AA/2021/0038191 ngày 08/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Thị L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*** :
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- UBND xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thị Quỳnh Như**

***Nơi nhận*** :
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- UBNDxã Tân Xuân, huyện Hóc Môn;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Thị Quỳnh Như**